

MD: G601

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (3, 0 điểm: mỗi câu 0,25 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Người nào dưới đây là công dân Việt Nam?

- A. Người nước ngoài sống tại Việt Nam B. Người không quốc tịch
C. Người có quốc tịch Việt Nam D. Người có bố mẹ là người nước ngoài

Câu 2. Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm gì đối với công dân?

- A. Không cần bảo vệ B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân
C. Chỉ quản lý công dân D. Không liên quan

Câu 3. Người có quốc tịch Việt Nam nhưng sinh sống ở nước ngoài thì

- A. Không còn là công dân Việt Nam B. Vẫn là công dân Việt Nam
C. Phải xin lại quốc tịch D. Không có quyền công dân

Câu 4. Một người nước ngoài muốn trở thành công dân Việt Nam thì cần

- A. Sống lâu tại Việt Nam B. Có tiền
C. Được nhập quốc tịch Việt Nam D. Có bạn bè người Việt

Câu 5. Nghĩa vụ cơ bản của công dân là

- A. Những việc công dân được làm
B. Những việc công dân phải làm theo quy định của pháp luật
C. Những quyền tự do D. Những lợi ích riêng

Câu 6. Công dân có quyền nào sau đây?

- A. Quyền học tập B. Quyền vi phạm pháp luật C. Quyền trốn thuế D. Quyền gây rối

Câu 7. Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân sẽ giúp

- A. Xã hội phát triển ổn định B. Gây rối trật tự C. Làm giảm dân số D. Không có lợi ích

Câu 8. Công dân bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là

- A. Ai cũng giống nhau hoàn toàn B. Mọi người đều được pháp luật bảo vệ như nhau
C. Chỉ người giàu được bảo vệ D. Chỉ người lớn có quyền

Câu 9. Quyền được học tập thuộc nhóm quyền nào?

- A. Quyền sống còn B. Quyền phát triển C. Quyền bảo vệ D. Quyền tham gia

Câu 10. Trẻ em có quyền được chăm sóc sức khỏe là thuộc nhóm quyền

- A. Sống còn B. Phát triển C. Tham gia D. Bảo vệ

Câu 11. Nếu trẻ em không được đi học sẽ ảnh hưởng như thế nào?

A. Không ảnh hưởng B. Ảnh hưởng đến sự phát triển C. Giúp khỏe mạnh hơn D.

Không cần học

Câu 12. Nếu thấy bạn bị bạo lực học đường, em nên

A. Im lặng B. Tránh xa C. Báo cho thầy cô hoặc người lớn D. Tham gia cùng

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (4,0 điểm): Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Trong mỗi ý a, b, c, d, ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Đọc tình huống sau: Một bé trai sơ sinh bị bỏ rơi trước cổng bệnh viện tại Hà Nội. Không có bất kỳ giấy tờ hay thông tin nào về cha mẹ của bé.

Theo em, đâu là đáp án đúng, đâu là đáp án sai về tình huống trên:

Nhận định		Đáp án
A	Bé trai này không được coi là công dân Việt Nam vì không rõ cha mẹ là ai.	
B	Theo quy định của pháp luật Việt Nam, bé trai này được coi là công dân Việt Nam.	
C	Chỉ khi tìm được cha mẹ của bé, quốc tịch của bé mới được xác định.	
D	Việc bé bị bỏ rơi trên lãnh thổ Việt Nam là căn cứ để xác định bé là công dân Việt Nam.	

Câu 14: Đọc tình huống sau: Công ty Z là một doanh nghiệp lớn, hoạt động kinh doanh có lãi nhưng cố tình trốn thuế bằng nhiều hình thức.

Theo em, đâu là đáp án đúng, đâu là đáp án sai về tình huống trên:

Nhận định		Đáp án
A	Nộp thuế là nghĩa vụ bắt buộc của mọi công dân và tổ chức theo quy định của pháp luật.	
B	Việc trốn thuế không ảnh hưởng đến lợi ích của xã hội.	
C	Công ty Z có quyền tự quyết định việc nộp thuế hay không.	
D	Thuế là nguồn thu quan trọng của nhà nước để chi cho các hoạt động công ích.	

Câu 15: Đọc tình huống sau: Anh Minh và chị Tuyết là người không quốc tịch, nhưng đã sinh sống và có nơi thường trú ổn định tại Việt Nam trong nhiều năm. Con gái của họ, bé Ngọc, được sinh ra tại một bệnh viện ở TP.HCM.

Theo em, đâu là đáp án đúng, đâu là đáp án sai về tình huống trên:

Nhận định		Đáp án
A	Bé Ngọc không có quốc tịch vì cha mẹ bé không có quốc tịch.	

B	Bé Ngọc được coi là công dân Việt Nam.	
C	Để bé Ngọc có quốc tịch, cha mẹ bé cần phải xin nhập quốc tịch cho bé ở một quốc gia khác.	
D	Việc cha mẹ bé có nơi thường trú tại Việt Nam là yếu tố quyết định để bé được xác định là công dân Việt Nam.	

Câu 16. Đọc tình huống sau:

Ông Nam sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Sau đó, ông sang Mỹ định cư và nhập quốc tịch Mỹ.

Theo em, đâu là đáp án đúng, đâu là đáp án sai về tình huống trên:

Nhận định		Đáp án
A	Ông Nam vẫn là công dân Việt Nam mặc dù đã nhập quốc tịch Mỹ.	
B	Theo nguyên tắc chung, ông Nam sẽ mất quốc tịch Việt Nam sau khi nhập quốc tịch Mỹ, trừ trường hợp đặc biệt được Chủ tịch nước cho phép giữ quốc tịch.	
C	Việc ông Nam định cư ở nước ngoài không ảnh hưởng đến quốc tịch Việt Nam của ông.	
D	Ông Nam có quyền lựa chọn giữ hay từ bỏ quốc tịch Việt Nam sau khi nhập quốc tịch nước ngoài.	

PHẦN III. Phần câu hỏi tự luận (3.0 điểm)

Câu 1: (1.5 điểm)

Nghĩa vụ cơ bản của công dân là gì? Em hãy kể một nghĩa vụ cơ bản của công dân?

Câu 2: (1.5 điểm) Cho tình huống:

Bố mẹ của Minh luôn lắng nghe ý kiến của Minh khi quyết định cho em tham gia các hoạt động ngoại khóa như học vẽ, học đàn.

Câu hỏi:

- Minh đã được đảm bảo quyền gì?
- Em thấy cách ứng xử của bố mẹ Minh như thế nào?

----- **HẾT** -----

MĐ: G602

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (3, 0 điểm: mỗi câu 0,25 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Một người nước ngoài muốn trở thành công dân Việt Nam thì cần

- A. Sống lâu tại Việt Nam
B. Có tiền
C. Được nhập quốc tịch Việt Nam
D. Có bạn bè người Việt

Câu 2. Nghĩa vụ cơ bản của công dân là

- A. Những việc công dân được làm
B. Những việc công dân phải làm theo quy định của pháp luật
C. Những quyền tự do
D. Những lợi ích riêng

Câu 3. Công dân có quyền nào sau đây?

- A. Quyền học tập
B. Quyền vi phạm pháp luật
C. Quyền trốn thuế
D. Quyền gây rối

Câu 4. Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân sẽ giúp

- A. Xã hội phát triển ổn định
B. Gây rối trật tự
C. Làm giảm dân số
D. Không có lợi ích

Câu 5. Công dân bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là

- A. Ai cũng giống nhau hoàn toàn
B. Mọi người đều được pháp luật bảo vệ như nhau
C. Chỉ người giàu được bảo vệ
D. Chỉ người lớn có quyền

Câu 6. Quyền được học tập thuộc nhóm quyền nào?

- A. Quyền sống còn
B. Quyền phát triển
C. Quyền bảo vệ
D. Quyền tham gia

Câu 7. Trẻ em có quyền được chăm sóc sức khỏe là thuộc nhóm quyền

- A. Sống còn
B. Phát triển
C. Tham gia
D. Bảo vệ

Câu 8. Nếu trẻ em không được đi học sẽ ảnh hưởng như thế nào?

- A. Không ảnh hưởng
B. Ảnh hưởng đến sự phát triển
C. Giúp khỏe mạnh hơn
D. Không cần học

Câu 9. Nếu thấy bạn bị bạo lực học đường, em nên

- A. Im lặng
B. Tránh xa
C. Báo cho thầy cô hoặc người lớn
D. Tham gia cùng

Câu 10. Người nào dưới đây là công dân Việt Nam?

- A. Người nước ngoài sống tại Việt Nam
B. Người không quốc tịch
C. Người có quốc tịch Việt Nam
D. Người có bố mẹ là người nước ngoài

Câu 11. Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm gì đối với công dân?

- A. Không cần bảo vệ
B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân
C. Chỉ quản lý công dân
D. Không liên quan

Câu 12. Người có quốc tịch Việt Nam nhưng sinh sống ở nước ngoài thì
 A. Không còn là công dân Việt Nam B. Vẫn là công dân Việt Nam
 C. Phải xin lại quốc tịch D. Không có quyền công dân

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (4,0 điểm): Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d, ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Đọc tình huống sau: Anh Minh và chị Tuyết là người không quốc tịch, nhưng đã sinh sống và có nơi thường trú ổn định tại Việt Nam trong nhiều năm. Con gái của họ, bé Ngọc, được sinh ra tại một bệnh viện ở TP.HCM.

Theo em, đâu là đáp án đúng, đâu là đáp án sai về tình huống trên:

Nhận định		Đáp án
A	Bé Ngọc không có quốc tịch vì cha mẹ bé không có quốc tịch.	
B	Bé Ngọc được coi là công dân Việt Nam.	
C	Để bé Ngọc có quốc tịch, cha mẹ bé cần phải xin nhập quốc tịch cho bé ở một quốc gia khác.	
D	Việc cha mẹ bé có nơi thường trú tại Việt Nam là yếu tố quyết định để bé được xác định là công dân Việt Nam.	

Câu 14: Đọc tình huống sau: Một bé trai sơ sinh bị bỏ rơi trước cổng bệnh viện tại Hà Nội. Không có bất kỳ giấy tờ hay thông tin nào về cha mẹ của bé.

Theo em, đâu là đáp án đúng, đâu là đáp án sai về tình huống trên:

Nhận định		Đáp án
A	Bé trai này không được coi là công dân Việt Nam vì không rõ cha mẹ là ai.	
B	Theo quy định của pháp luật Việt Nam, bé trai này được coi là công dân Việt Nam.	
C	Chỉ khi tìm được cha mẹ của bé, quốc tịch của bé mới được xác định.	
D	Việc bé bị bỏ rơi trên lãnh thổ Việt Nam là căn cứ để xác định bé là công dân Việt Nam.	

Câu 15: Đọc tình huống sau: Công ty Z là một doanh nghiệp lớn, hoạt động kinh doanh có lãi nhưng cố tình trốn thuế bằng nhiều hình thức.

Theo em, đâu là đáp án đúng, đâu là đáp án sai về tình huống trên:

Nhận định		Đáp án
A	Nộp thuế là nghĩa vụ bắt buộc của mọi công dân và tổ chức theo quy định của pháp luật.	
B	Việc trốn thuế không ảnh hưởng đến lợi ích của xã hội.	
C	Công ty Z có quyền tự quyết định việc nộp thuế hay không.	

D	Thuế là nguồn thu quan trọng của nhà nước để chi cho các hoạt động công ích.	
---	--	--

Câu 16: Đọc tình huống sau:

Ông Nam sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Sau đó, ông sang Mỹ định cư và nhập quốc tịch Mỹ. Theo em, đâu là đáp án đúng, đâu là đáp án sai về tình huống trên:

Nhận định		Đáp án
A	Ông Nam vẫn là công dân Việt Nam mặc dù đã nhập quốc tịch Mỹ.	
B	Theo nguyên tắc chung, ông Nam sẽ mất quốc tịch Việt Nam sau khi nhập quốc tịch Mỹ, trừ trường hợp đặc biệt được Chủ tịch nước cho phép giữ quốc tịch.	
C	Việc ông Nam định cư ở nước ngoài không ảnh hưởng đến quốc tịch Việt Nam của ông.	
D	Ông Nam có quyền lựa chọn giữ hay từ bỏ quốc tịch Việt Nam sau khi nhập quốc tịch nước ngoài.	

PHẦN III. Phần câu hỏi tự luận (3.0 điểm)

Câu 1: (1.5 điểm)

Nghĩa vụ cơ bản của công dân là gì? Em hãy kể một nghĩa vụ cơ bản của công dân?

Câu 2: (1.5 điểm) Cho tình huống:

Bố mẹ của Minh luôn lắng nghe ý kiến của Minh khi quyết định cho em tham gia các hoạt động ngoại khóa như học vẽ, học đàn.

Câu hỏi:

- Minh đã được đảm bảo quyền gì?
- Em thấy cách ứng xử của bố mẹ Minh như thế nào?

----- **HẾT** -----

I. Trắc nghiệm: (3.0 điểm)

Câu 1. Gia đình là gì?

- A. Nơi làm việc B. Nơi học tập
C. Nơi vui chơi D. Tổ ấm của những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng

Câu 2: Con cái có nghĩa vụ gì đối với cha mẹ?

- A. Không cần nghe lời B. Cãi lời cha mẹ C. Kính trọng, hiếu thảo với cha mẹ D. Bỏ mặc cha mẹ

Câu 3: Cha mẹ có quyền gì đối với con cái?

- A. Bỏ mặc con B. Chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con
C. Không quan tâm con D. Bắt con làm việc nặng

Câu 4: Hành vi nào sau đây là đúng trong gia đình?

- A. Yêu thương, giúp đỡ nhau B. Cãi nhau thường xuyên C. Bỏ bê nhau D. Không quan tâm nhau

Câu 5: Anh chị em trong gia đình cần:

- A. Tranh giành B. Ganh ghét C. Không nói chuyện D. Yêu thương, hòa thuận

Câu 6: Tệ nạn xã hội là gì?

- A. Hoạt động học tập B. Hoạt động vui chơi lành mạnh
C. Những hành vi sai lệch chuẩn mực, gây hại cho xã hội D. Hoạt động thể thao

Câu 7: Đây là một tệ nạn xã hội phổ biến?

- A. Học bài B. Cờ bạc C. Chơi thể thao D. Đọc sách

Câu 8: Tệ nạn ma túy gây ra hậu quả gì?

- A. Gây nghiện và hủy hoại sức khỏe B. Giúp khỏe mạnh C. Giúp học giỏi D. Không ảnh hưởng

Câu 9: Hành vi nào sau đây không phải là tệ nạn xã hội?

- A. Cờ bạc B. Ma túy C. Mại dâm D. Giúp đỡ người khác

Câu 10: Tệ nạn xã hội ảnh hưởng như thế nào đến gia đình?

- A. Làm gia đình hạnh phúc B. Làm giàu nhanh C. Gây tan vỡ hạnh phúc gia đình D. Không ảnh hưởng

Câu 11: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tệ nạn xã hội là gì?

- A. Gia đình hạnh phúc B. Thiếu hiểu biết, bị lôi kéo C. Chăm chỉ học tập D. Có mục tiêu rõ ràng

Câu 12: Hậu quả của tệ nạn xã hội đối với cá nhân là gì?

- A. Gây suy giảm sức khỏe và đạo đức B. Giúp khỏe mạnh C. Giúp học giỏi hơn D. Không ảnh hưởng

II. Trắc nghiệm Đúng – Sai: (4.0 điểm)

Câu 13. Những hành vi nào sau đây thể hiện đúng nghĩa vụ của con cái

Mệnh đề	Đúng/ Sai
A. Cãi lời cha mẹ	
B. Bỏ mặc gia đình	
C. Kính trọng cha mẹ	
D. Giúp đỡ việc nhà	

Câu 14. Vì sao các thành viên trong gia đình phải yêu thương, giúp đỡ nhau?

Mệnh đề	Đúng/ Sai
A. Để xây dựng gia đình hạnh phúc	
B. Để mỗi người phát triển tốt hơn	
C. Để ganh đua	
D. Để tranh chấp	

Câu 15. Vì sao cần phòng, chống tệ nạn xã hội?

Mệnh đề	Đúng/ Sai
A. Để giải trí	
B. Để thể hiện bản thân	
C. Bảo vệ sức khỏe bản thân	
D. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội	

Câu 16. Tình huống: Nam (16 tuổi) thường xuyên bỏ học để đi chơi điện tử và bị một số bạn rủ rê thử sử dụng chất kích thích. Ban đầu Nam chỉ thử cho biết, nhưng sau đó dần dần nghiện, thường xuyên lấy tiền của gia đình để sử dụng. Việc học của Nam sa sút nghiêm trọng, gia đình rất lo lắng.

Mệnh đề	Đúng/ Sai
A. Việc Nam bị bạn bè rủ rê, lôi kéo là một nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội.	
B. Tệ nạn xã hội không gây ảnh hưởng đến việc học tập và tương lai của Nam.	
C. Hành vi sử dụng chất kích thích có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và gia đình.	
D. Tệ nạn xã hội chỉ gây hại cho bản thân người tham gia, không ảnh hưởng đến xã hội.	

III. Tư luận: (3.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm). Em hãy nêu nguyên nhân của tệ nạn xã hội?

Câu 2 (1.0 điểm). Có quan điểm cho rằng: “Ma túy, mại dâm là con đường dẫn đến lây nhiễm HIV/AIDS”.

a. Em đồng ý hay không đồng ý với quan điểm trên?

b. Vì sao?

Hết.

MD: G702

I. Trắc nghiệm: (3.0 điểm)

Câu 1. Nghĩa vụ của ông bà đối với cháu là gì?

- A. Chăm sóc, giáo dục cháu B. Không cần quan tâm C. Bỏ mặc cháu D. Chỉ chơi với cháu

Câu 2: Con cái có quyền gì trong gia đình?

- A. Không được học tập B. Được chăm sóc và học tập C. Không được vui chơi D. Không được bảo vệ

Câu 3: Hành vi nào vi phạm quyền và nghĩa vụ trong gia đình?

- A. Giúp đỡ cha mẹ B. Quan tâm lẫn nhau C. Ngược đãi, xúc phạm người thân D. Chăm sóc nhau

Câu 4: Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình cần dựa trên:

- A. Lợi ích cá nhân B. Tiền bạc C. Tình yêu thương và trách nhiệm D. Sự ganh đua

Câu 5: Việc thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ trong gia đình giúp:

- A. Gia đình hạnh phúc, bền vững B. Gia đình tan vỡ C. Gia đình mâu thuẫn D. Không có ảnh hưởng

Câu 6: Nguyên nhân nào dẫn đến tệ nạn xã hội?

- A. Học tập tốt B. Thiếu hiểu biết và bị lôi kéo C. Gia đình hạnh phúc D. Chăm chỉ lao động

Câu 7: Học sinh cần làm gì để phòng tránh tệ nạn xã hội?

- A. Thử cho biết B. Làm theo bạn bè C. Tránh xa và không tham gia D. Che giấu

Câu 8: Hành vi nào vi phạm pháp luật liên quan đến tệ nạn xã hội?

- A. Học bài B. Lao động C. Giúp đỡ bạn D. Sử dụng ma túy

Câu 9: Tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng đến xã hội như thế nào?

- A. Làm mất trật tự, an toàn xã hội B. Phát triển kinh tế C. Tăng văn hóa D. Không ảnh hưởng

Câu 10: Khi phát hiện bạn tham gia tệ nạn xã hội, em nên làm gì?

- A. Làm theo B. Khuyên ngăn và báo người lớn C. Bỏ mặc D. Che giấu

Câu 11: Tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng như thế nào đến gia đình?

- A. Làm gia đình hạnh phúc B. Tăng thu nhập C. Gây mâu thuẫn, tan vỡ gia đình D. Không ảnh hưởng

Câu 12: Hậu quả của tệ nạn xã hội đối với cá nhân là gì?

- A. Không ảnh hưởng B. Giúp khỏe mạnh C. Giúp học giỏi hơn D. Gây suy giảm sức khỏe và đạo đức

II. Trắc nghiệm Đúng – Sai: (4.0 điểm)

Câu 13. Quyền của trẻ em trong gia đình bao gồm:

Mệnh đề	Đúng/ Sai
A. Được chăm sóc, nuôi dưỡng	
B. Được học tập và vui chơi	
C. Bị bỏ rơi	
D. Không được quan tâm	

Câu 14. Khi có mâu thuẫn trong gia đình, em nên làm gì?

Mệnh đề	Đúng/ Sai
A. Cãi vã lớn tiếng	
B. Bỏ đi không quan tâm	
C. Bình tĩnh trao đổi, giải quyết	
D. Nhờ người lớn giúp đỡ	

Câu 15. Để phòng tránh tệ nạn xã hội, học sinh nên làm gì?

Mệnh đề	Đúng/ Sai
A. Tham gia hoạt động lành mạnh	
B. Kết bạn tốt, tránh bạn xấu	
C. Thử một lần cho biết	
D. Làm theo bạn bè	

Câu 16. Tình huống:

Nam thường xuyên bỏ học để đi chơi game với nhóm bạn xấu. Sau một thời gian, Nam bắt đầu tham gia cá độ và vay tiền của nhiều người. Cuối cùng Nam bị gia đình phát hiện, kết quả học tập giảm sút và có nguy cơ vi phạm pháp luật.

Mệnh đề	Đúng/ Sai
A. Việc Nam chơi với bạn xấu và bỏ học là một nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội.	
B. Cá độ là hành vi không liên quan đến tệ nạn xã hội.	
C. Kết quả học tập giảm sút là một hậu quả của việc tham gia tệ nạn xã hội.	
D. Tham gia tệ nạn xã hội có thể dẫn đến vi phạm pháp luật.	

III. Tư luận: (3.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm). Em hãy nêu hậu quả của tệ nạn xã hội

Câu 2 (1.0 điểm).

Có quan điểm cho rằng: “Hành vi tổ chức đánh bạc, đua xe ăn tiền là hành vi trái pháp luật”.

a. Em đồng ý hay không đồng ý với quan điểm trên?

b. Vì sao?

Hết.

MÃ ĐỀ G8-101

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Lập kế hoạch chi tiêu là gì?

- A. Chi tiêu theo sở thích B. Xác định trước các khoản thu và chi
C. Chỉ ghi lại tiền đã tiêu D. Tiêu tiền khi cần

Câu 2. Khi lập kế hoạch chi tiêu cần ưu tiên:

- A. Nhu cầu cần thiết B. Sở thích cá nhân
C. Mua theo bạn bè D. Hàng giảm giá

Câu 3. Trước khi mua một món đồ, em nên làm gì để chi tiêu hợp lí?

- A. Mua ngay nếu thích B. So sánh và cân nhắc nhu cầu
C. Mua theo bạn bè D. Chọn món đắt nhất

Câu 4. Nam có 200.000 đồng. Nam mua áo 180.000 đồng nên không còn tiền mua vở. Hành vi của Nam cho thấy:

- A. Chi tiêu hợp lí B. Ưu tiên nhu cầu cần thiết
C. Chưa biết lập kế hoạch chi tiêu D. Tiết kiệm

Câu 5. Hành vi nào sau đây dễ gây tai nạn cháy nổ?

- A. Tắt bếp sau khi sử dụng B. Để bật lửa gần xăng dầu
C. Khóa van gas cẩn thận D. Kiểm tra dây điện thường xuyên

Câu 6. Khi phát hiện vật giống bom, mìn, em nên làm gì?

- A. Đến gần xem B. Mang về nhà
C. Báo cho người lớn hoặc cơ quan chức năng D. Đá thử xem có nổ không

Câu 7. Chất nào sau đây thuộc nhóm chất độc hại?

- A. Nước lọc B. Thuốc trừ sâu C. Muối ăn D. Đường

Câu 8. Lao động là

- A. Hoạt động vui chơi B. Hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần
C. Hoạt động nghỉ ngơi D. Hoạt động giải trí

Câu 9. Công dân có quyền lao động nghĩa là

- A. Được tự do chọn nghề B. Không cần làm việc
C. Chỉ làm việc khi thích D. Không cần học nghề

Câu 10. Nghĩa vụ lao động của công dân là

- A. Trốn tránh công việc B. Lười biếng
C. Làm việc để tạo ra của cải cho xã hội D. Chỉ học mà không làm

Câu 11. Người lao động cần

- A. Làm việc tùy thích B. Tuân thủ kỷ luật lao động
C. Không cần trách nhiệm D. Làm việc qua loa

Câu 12. Quyền lao động giúp công dân

- A. Bị ép buộc làm việc B. Có việc làm phù hợp
C. Không cần học nghề D. Không cần làm việc

PHẦN II. (4,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng - sai. Học sinh trả lời mỗi ý a,b,c,d đúng hoặc sai.

Câu 13: Xác định các phát biểu Đúng – Sai về lập kế hoạch chi tiêu

Nhận định		Đáp án
a	Lập kế hoạch chi tiêu giúp sử dụng tiền hợp lí.	
b	Không cần lập kế hoạch nếu tiền tiêu vặt ít.	
c	Nên dự kiến trước các khoản chi cần thiết.	
d	Chi tiêu tùy hứng vẫn đảm bảo tiết kiệm.	

Câu 14: Tuấn thấy bạn rủ nghịch bật lửa và đốt giấy trong lớp học.

Nhận định		Đáp án
a	Tuấn nên khuyên bạn dừng lại.	
b	Đốt giấy trong lớp có thể gây cháy.	
c	Đây là hành vi an toàn nếu cẩn thận.	
d	Cần báo cho giáo viên để xử lí.	

Câu 15: Nam thường xuyên đi học muộn, làm việc nhóm qua loa.

Nhận định		Đáp án
a	Nam chưa có ý thức kỷ luật lao động.	
b	Đi học đúng giờ là biểu hiện của kỷ luật lao động.	
c	Làm việc qua loa không ảnh hưởng gì.	
d	Cần có trách nhiệm khi tham gia công việc chung.	

Câu 16: Một số bạn cho rằng chỉ người lớn mới có nghĩa vụ lao động.

Nhận định		Đáp án
a	Học sinh cũng cần tham gia lao động phù hợp.	
b	Nghĩa vụ lao động chỉ dành cho người đã đi làm.	
c	Lao động giúp rèn luyện kỹ năng sống.	
d	Học sinh không cần giúp đỡ gia đình.	

PHẦN III. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1: (1.0 điểm) Hãy nêu tầm quan trọng của lao động ?

Câu 2: (2.0 điểm): Tình huống:

Trong phòng học, Tuấn phát hiện ổ điện bị hở dây nhưng vẫn cắm sạc điện thoại.

Câu hỏi:

- Hành động của Tuấn có an toàn không? Vì sao?
- Em hãy nêu cách xử lí đúng.

---Hết---

MÃ ĐỀ G8-102

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Khi phát hiện vật giống bom, mìn, em nên làm gì?

- A. Đến gần xem
B. Mang về nhà
C. Báo cho người lớn hoặc cơ quan chức năng
D. Đá thử xem có nổ không

Câu 2. Chất nào sau đây thuộc nhóm chất độc hại?

- A. Nước lọc
B. Thuốc trừ sâu
C. Muối ăn
D. Đường

Câu 3. Lao động là

- A. Hoạt động vui chơi
B. Hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần
C. Hoạt động nghỉ ngơi
D. Hoạt động giải trí

Câu 4. Quyền lao động giúp công dân

- A. Bị ép buộc làm việc
B. Không cần làm việc
C. Không cần học nghề
D. Có việc làm phù hợp

Câu 5. Công dân có quyền lao động nghĩa là

- A. Được tự do chọn nghề
B. Không cần làm việc
C. Chỉ làm việc khi thích
D. Không cần học nghề

Câu 6. Nam có 200.000 đồng. Nam mua áo 180.000 đồng nên không còn tiền mua vở. Hành vi của Nam cho thấy:

- A. Chi tiêu hợp lí
B. Ưu tiên nhu cầu cần thiết
C. Chưa biết lập kế hoạch chi tiêu
D. Tiết kiệm

Câu 7. Hành vi nào sau đây dễ gây tai nạn cháy nổ?

- A. Tắt bếp sau khi sử dụng
B. Để bật lửa gần xăng dầu
C. Khóa van gas cẩn thận
D. Kiểm tra dây điện thường xuyên

Câu 8. Nghĩa vụ lao động của công dân là

- A. Trốn tránh công việc
B. Lười biếng
C. Làm việc để tạo ra của cải cho xã hội
D. Chỉ học mà không làm

Câu 9. Người lao động cần

- A. Làm việc tùy thích
B. Tuân thủ kỷ luật lao động
C. Không cần trách nhiệm
D. Làm việc qua loa

Câu 10. Lập kế hoạch chi tiêu là gì?

- A. Chi tiêu theo sở thích
B. Xác định trước các khoản thu và chi
C. Chỉ ghi lại tiền đã tiêu
D. Tiêu tiền khi cần

Câu 11. Khi lập kế hoạch chi tiêu cần ưu tiên:

- A. Nhu cầu cần thiết
B. Sở thích cá nhân
C. Mua theo bạn bè
D. Hàng giảm giá

Câu 12. Trước khi mua một món đồ, em nên làm gì để chi tiêu hợp lí?

- A. Mua ngay nếu thích
B. Chọn món đắt nhất
C. Mua theo bạn bè
D. So sánh và cân nhắc nhu cầu

PHẦN II. (4,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng - sai. Học sinh trả lời mỗi ý a,b,c,d đúng hoặc sai.

Câu 13: Tuấn thấy bạn rủ nghịch bật lửa và đốt giấy trong lớp học.

Nhận định		Đáp án
a	Tuấn nên khuyên bạn dừng lại.	
b	Đốt giấy trong lớp có thể gây cháy.	
c	Đây là hành vi an toàn nếu cần thận.	
d	Cần báo cho giáo viên để xử lí.	

Câu 14: Xác định các phát biểu Đúng – Sai về lập kế hoạch chi tiêu

Nhận định		Đáp án
a	Lập kế hoạch chi tiêu giúp sử dụng tiền hợp lí.	
b	Không cần lập kế hoạch nếu tiền tiêu vặt ít.	
c	Nên dự kiến trước các khoản chi cần thiết.	
d	Chi tiêu tùy hứng vẫn đảm bảo tiết kiệm.	

Câu 15: Một số bạn cho rằng chỉ người lớn mới có nghĩa vụ lao động.

Nhận định		Đáp án
a	Học sinh cũng cần tham gia lao động phù hợp.	
b	Nghĩa vụ lao động chỉ dành cho người đã đi làm.	
c	Lao động giúp rèn luyện kỹ năng sống.	
d	Học sinh không cần giúp đỡ gia đình.	

Câu 16: Nam thường xuyên đi học muộn, làm việc nhóm qua loa.

Nhận định		Đáp án
a	Nam chưa có ý thức kỷ luật lao động.	
b	Đi học đúng giờ là biểu hiện của kỷ luật lao động.	
c	Làm việc qua loa không ảnh hưởng gì.	
d	Cần có trách nhiệm khi tham gia công việc chung.	

PHẦN III. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1: (1.0 điểm) Hãy nêu tầm quan trọng của lao động ?

Câu 2: (2.0 điểm): Tình huống:

Trong phòng học, Tuấn phát hiện ổ điện bị hở dây nhưng vẫn cắm sạc điện thoại.

Câu hỏi:

- Hành động của Tuấn có an toàn không? Vì sao?
- Em hãy nêu cách xử lí đúng.

---Hết---

MÃ ĐỀ G9-101

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Điền vào chỗ chấm: “Cuộc sống ngày càng hiện đại thì càng đòi hỏi con người phải ... hơn trong các tiêu dùng.”

- A. Nhạy bén B. Thông minh C. Lan lợi D. Chớp nhoáng

Câu 2: “Tội phạm” là người có hành vi vi phạm:

- A. Pháp luật dân sự. B. Pháp luật hành chính.
C. Kỉ luật. D. Pháp luật hình sự.

Câu 3: Một trong những biểu hiện của người biết thích ứng với thay đổi là

- A. Luôn giữ nguyên cách làm cũ
B. Từ chối học hỏi cái mới
C. Linh hoạt điều chỉnh kế hoạch khi hoàn cảnh thay đổi
D. Phụ thuộc hoàn toàn vào người khác

Câu 4: Việc thích ứng với thay đổi giúp con người

- A. Tránh được mọi khó khăn B. Phát triển bản thân và nắm bắt cơ hội
C. Không cần học tập nữa D. Ít phải giao tiếp với người khác

Câu 5: Sử dụng tiền mặt hoặc thanh toán trực tuyến là nội dung của:

- A. Lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp B. Tìm hiểu thông tin sản phẩm.
C. Sử dụng sản phẩm an toàn. D. Xác định nhu cầu chính đáng.

Câu 6: Tiêu dùng *không* thông minh có thể dẫn đến:

- A. Tiết kiệm tiền B. Chi tiêu hợp lí
C. Lãng phí tiền bạc D. Sử dụng hiệu quả

Câu 7: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật?

- A. Đi học đúng giờ B. Không làm bài tập
C. Vượt đèn đỏ D. Giúp đỡ bạn

Câu 8: Tiêu dùng thông minh giúp:

- A. Tăng chi tiêu B. Lãng phí tiền
C. Sử dụng tiền hiệu quả D. Mua nhiều hàng

Câu 9: Bà V vay tiền của anh H đã quá hạn, dẫu đưa mãi không chịu trả nợ là hành vi vi phạm pháp luật

- A. Kỷ luật. B. Hành chính. C. Dân sự. D. Hình sự.

Câu 10: Vi phạm pháp luật dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới:

- A. Các quan hệ công vụ. B. Các quan hệ lao động, công vụ nhà nước.
C. Các quy tắc quản lí nhà nước. D. Các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

Câu 11: Người vi phạm pháp luật phải:

- A. Không cần chịu trách nhiệm B. Chịu trách nhiệm pháp lí
C. Xin lỗi là đủ D. Bị nhắc nhở

Câu 12: Vi phạm nội quy trường học sẽ bị xử lý theo:

- A. Trách nhiệm dân sự B. Trách nhiệm hình sự
C. Trách nhiệm hành chính D. Trách nhiệm kỉ luật

PHẦN II. (4,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng - sai. Học sinh trả lời mỗi ý a,b,c,d đúng hoặc sai.

Câu 13: Tuấn chuyển sang học lớp mới có phương pháp học khác. Ban đầu Tuấn thấy khó, nhưng em chủ động hỏi thầy cô và thay đổi cách ghi chép..

Nhận định		Đáp án
a	Tuấn đã chủ động thích ứng với sự thay đổi.	
b	Tuấn nên giữ nguyên cách học cũ dù không hiệu quả.	
c	Việc học hỏi giúp Tuấn thích nghi tốt hơn.	
d	Khi gặp khó khăn, tốt nhất là tránh né thay đổi.	

Câu 14: Trong đợt khuyến mãi, Linh chỉ mua những đồ dùng học tập cần thiết dù nhiều mặt hàng giảm giá.

Nhận định		Đáp án
a	Linh đã biết tiêu dùng hợp lí.	
b	Linh nên mua càng nhiều càng tốt vì giá rẻ.	
c	Ưu tiên nhu cầu cần thiết là tiêu dùng thông minh.	
d	Không mua hết hàng giảm giá là thiếu tiết kiệm.	

Câu 15: Xác định các phát biểu Đúng – Sai

Nhận định		Đáp án
a	Trách nhiệm pháp lí nhằm xử lí người vi phạm pháp luật.	
b	Vi phạm gây thiệt hại tài sản có thể phải bồi thường.	
c	Vi phạm nội quy trường học không cần xử lí.	
d	Tuân thủ pháp luật giúp bảo vệ trật tự xã hội.	

Câu 16: Trong lớp, Hùng tự ý lấy đồ của bạn để sử dụng mà chưa xin phép.

Nhận định		Đáp án
a	Tự ý lấy đồ của bạn khi chưa xin phép là sai.	
b	Hùng tôn trọng tài sản của người khác.	
c	Hùng có thể bị xử lí kỉ luật.	
d	Lấy đồ của bạn khi chưa xin phép là bình thường.	

PHẦN III. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Thế nào là vi phạm pháp luật?

Câu 2: (1.0 điểm): Cho tình huống

Tuấn dùng hết tiền tiết kiệm để mua đồ chơi điện tử mà không hỏi ý kiến bố mẹ.

Câu hỏi:

- a) Hành vi của Tuấn có phải là tiêu dùng thông minh không? Vì sao?
b) Tuấn cần rút ra bài học gì?

---Hết---

MÃ ĐỀ G9-102

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Việc lập kế hoạch chi tiêu giúp:

- A. Mua nhiều đồ hơn B. Tránh lãng phí
C. Tiêu tiền nhanh hơn D. Không cần suy nghĩ

Câu 2: Ưu tiên hàng hóa cần thiết trước là biểu hiện của:

- A. Tiêu dùng theo sở thích B. Tiêu dùng thông minh
C. Tiêu dùng lãng phí D. Tiêu dùng theo trào lưu

Câu 3: Bạn H 16 tuổi, điều khiển xe mô tô vào đường cấm. Bạn H phải chịu trách nhiệm pháp lí nào dưới đây?

- A. Hành chính B. Kỉ luật C. Dân sự D. Hình sự.

Câu 4: Điền vào chỗ chấm: “Việc trang bị kĩ năng thích ứng với thay đổi chính là ... giúp mỗi cá nhân luôn vững tâm trong cuộc sống”.

- A. Thời điểm B. Bí quyết C. Chia khóa D. Nút thắt

Câu 5: Khi trường tổ chức học trực tuyến do thời tiết xấu, học sinh biết thích ứng sẽ

- A. Không tham gia vì không quen B. Chờ bạn hướng dẫn rồi mới học
C. Tìm hiểu cách sử dụng phần mềm. D. Phàn nàn và bỏ học

Câu 6: Vi phạm pháp luật gây nguy hiểm lớn cho xã hội sẽ bị:

- A. Nhắc nhở B. Xử lí hình sự C. Không xử lí D. Phê bình

Câu 7: Có bao nhiêu loại vi phạm pháp luật?

- A. Hai loại B. Ba loại C. Bốn loại D. Năm loại

Câu 8: Cơ quan nào dưới đây có quyền tuyên phạt đối với người phạm tội?

- A. Tòa án B. Chính phủ C. Viện Kiểm sát D. Quốc hội

Câu 9: Hành vi nào sau đây là tiêu dùng thông minh?

- A. Thấy giảm giá là mua ngay B. Mua đồ theo sở thích nhất thời
C. Lập kế hoạch trước khi mua sắm D. Mua hàng theo trào lưu

Câu 10: Trước khi mua hàng, cần làm gì?

- A. Hỏi bạn bè B. Kiểm tra thông tin sản phẩm
C. Mua ngay nếu thích D. Chọn hàng đắt tiền

Câu 11 : Vi phạm pháp luật là hành vi:

- A. Làm theo ý thích cá nhân B. Trái quy định của pháp luật
C. Không gây hậu quả D. Không bị phát hiện

Câu 12: Loại vi phạm nào xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước mà không phải là tội phạm?

- A. Vi phạm hình sự. B. Vi phạm dân sự.
C. Vi phạm hành chính. D. Vi phạm kỉ luật.

PHẦN II. (4,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng - sai. Học sinh trả lời mỗi ý a,b,c,d đúng hoặc sai.

Câu 13: Xác định các phát biểu Đúng – Sai về thích ứng với thay đổi

Nhận định		Đáp án
a	Thích ứng với thay đổi giúp giảm áp lực khi hoàn cảnh thay đổi.	
b	Chỉ khi thay đổi lớn mới cần thích ứng.	
c	Thiếu kĩ năng thích ứng có thể làm con người bỏ lỡ cơ hội.	
d	Người thích ứng tốt là người không cần học hỏi thêm.	

Câu 14: (Tình huống):

Nam được bố mẹ cho tiền mua sách nhưng em dùng để mua đồ chơi theo trào lưu. Cuối cùng Nam không còn tiền mua sách.

Nhận định		Đáp án
a	Nam chưa tiêu dùng thông minh.	
b	Nam đã ưu tiên nhu cầu cần thiết.	
c	Mua theo trào lưu dễ dẫn đến lãng phí.	
d	Việc tiêu hết tiền cho sở thích là hợp lí.	

Câu 15: Một nhóm bạn rủ Hùng góp tiền mua áo giống nhau theo trào lưu. Hùng từ chối vì muốn dành tiền mua dụng cụ học tập.

Nhận định		Đáp án
a	Hùng biết từ chối tiêu dùng theo đám đông.	
b	Hùng không biết hòa đồng với bạn bè.	
c	Quyết định của Hùng thể hiện tiêu dùng thông minh.	
d	Tiêu dùng theo trào lưu luôn là lựa chọn hợp lí.	

Câu 16: An đi xe đạp điện không đội mũ bảo hiểm và bị lực lượng chức năng nhắc nhở.

Nhận định		Đáp án
a	An đã vi phạm quy định an toàn giao thông.	
b	Hành vi của An không phải vi phạm pháp luật.	
c	An có thể bị xử lí hành chính.	
d	Việc đội mũ bảo hiểm là không cần thiết.	

PHẦN III. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1:(2.0 điểm) Em hãy nêu lợi ích của tiêu dùng thông minh?

Câu 2: (1.0 điểm) Cho tình huống

Lan thấy trên mạng quảng cáo điện thoại giảm giá 70%, không rõ nguồn gốc nhưng vẫn đặt mua ngay vì giá rẻ.

Câu hỏi:

- Hành vi của Lan có phải là tiêu dùng thông minh không? Vì sao?
- Lan có thể gặp hậu quả gì?

---Hết---

I. Trắc nghiệm: (3.0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	B	A	D	C	B	A	D	C	B	A

II. Trắc nghiệm Đúng – Sai: (4.0 điểm)

Câu 1	Đáp án	Câu 2	Đáp án	Câu 3	Đáp án	Câu 4	Đáp án
	S		Đ		S		Đ
	S		Đ		S		S
	Đ		S		Đ		Đ
	Đ		S		Đ		S

III. Tự luận: (3.0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
Câu 1 (2 điểm)	- Bị bạn bè xấu rủ rê, lôi kéo tham gia các hành vi tiêu cực. - Gia đình thiếu quan tâm, giáo dục và quản lí con cái. - Môi trường sống phức tạp, có nhiều tệ nạn xã hội. - Bản thân thiếu bản lĩnh, dễ bị dụ dỗ hoặc tò mò thử nghiệm.	0.5 0.5 0.5 0.5
Câu 2 (1 điểm)	- Đồng ý. Vì: ma túy, mại dâm là hai trong những con đường dẫn đến lây nhiễm căn bệnh thế kỉ HIV/AIDS.	0.5 0.5

HẾT

I. Trắc nghiệm: (3.0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	D	A	B	C	D	A	B	C	D

II. Trắc nghiệm Đúng – Sai: (4.0đ)

Câu 1	Đáp án	Câu 2	Đáp án	Câu 3	Đáp án	Câu 4	Đáp án
	Đ		S		Đ		Đ
	Đ		S		Đ		S
	S		Đ		S		Đ
	S		Đ		S		Đ

III. Tự luận: (3.0đ)

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
Câu 1 (2 điểm)	Hậu quả của tệ nạn xã hội: - Đối với bản thân: ảnh hưởng tới sức khỏe, làm tha hóa về nhân cách, rối loạn về hành vi, rơi vào lối sống buông thả, dễ vi phạm pháp luật,.. - Đối với gia đình, xã hội: làm cạn kiệt tài chính, phá vỡ hạnh phúc gia đình, làm suy thoái giống nòi, rối loạn trật tự, ảnh hưởng xấu tới sự phát triển kinh tế, suy giảm sức lao động,..	1.0 1.0
Câu 2 (1 điểm)	- Đồng ý. - Vì: hành vi tổ chức đánh bạc, đua xe ăn tiền là hành vi trái pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng cho bản thân, gia đình và xã hội.	0.5 0.5

HẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (3 điểm) (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án):

Phần đáp án câu trắc nghiệm: (Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	B	C	B	A	A	B	B	A	B	C

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai: (4 điểm) (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d, ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai) *(Mỗi ý trả lời đúng 0,25 điểm)*

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S
1	A	S	2	A	Đ
	B	Đ		B	S
	C	S		C	S
	D	Đ		D	Đ

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S
3	A	S	4	A	S
	B	Đ		B	Đ
	C	S		C	Đ
	D	Đ		D	S

PHẦN III. Phần câu hỏi tự luận (3 điểm)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1.5 điểm)	- Nghĩa vụ cơ bản của công dân là những việc mà Nhà nước bắt buộc công dân phải thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật - Nghĩa vụ bảo vệ Tổ Quốc	1.0 0.5
Câu 2 (1.5 điểm)	- Minh được đảm bảo quyền được tham gia, bày tỏ ý kiến.	0.5
	- Bố mẹ tôn trọng ý kiến của con là đúng và tiến bộ.	0.5
	- Điều này giúp Minh phát triển toàn diện, tự tin hơn.	0.5

MĐ: G601

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (3 điểm) (Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án):

Phần đáp án câu trắc nghiệm: (Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	B	C	B	A	A	B	B	A	B	C

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai: (4 điểm) (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d, ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai) (Mỗi ý trả lời đúng 0,25 điểm)

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S
1	A	S	2	A	Đ
	B	Đ		B	S
	C	S		C	S
	D	Đ		D	Đ
Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S
3	A	S	4	A	S
	B	Đ		B	Đ
	C	S		C	S
	D	Đ		D	S

PHẦN III. Phần câu hỏi tự luận (3 điểm)

Câu 1.

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1.5 điểm)	- Nghĩa vụ cơ bản của công dân là những việc mà Nhà nước bắt buộc công dân phải thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật - Nghĩa vụ bảo vệ Tổ Quốc	1 0.5
Câu 2 (1.5 điểm)	- Minh được đảm bảo quyền được tham gia, bày tỏ ý kiến.	0.5
	- Bố mẹ tôn trọng ý kiến của con là đúng và tiến bộ.	0.5
	- Điều này giúp Minh phát triển toàn diện, tự tin hơn.	0.5

HẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (3 điểm) (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án):

Phần đáp án câu trắc nghiệm: (Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	A	A	B	B	A	B	C	B	B	B

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai: (4 điểm) (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a, b, c, d, ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai) *(Mỗi ý trả lời đúng 0,25 điểm)*

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S
1	A	S	2	A	S
	B	Đ		B	Đ
	C	S		C	S
	D	Đ		D	Đ

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án Đ/S
3	A	Đ	4	A	S
	B	S		B	Đ
	C	S		C	S
	D	Đ		D	S

PHẦN III. Phần câu hỏi tự luận (3 điểm)

Câu 1.

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1.5 điểm)	- Nghĩa vụ cơ bản của công dân là những việc mà Nhà nước bắt buộc công dân phải thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật - Nghĩa vụ bảo vệ Tổ Quốc	1 0.5
Câu 2 (1.5 điểm)	- Minh được đảm bảo quyền được tham gia, bày tỏ ý kiến. - Bố mẹ tôn trọng ý kiến của con là đúng và tiến bộ. - Điều này giúp Minh phát triển toàn diện, tự tin hơn.	0.5 0.5 0.5

-HÉT-

MÃ ĐỀ: G8 101

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	B	C	B	C	B	B	A	C	B	B

PHẦN II. (4.0 ĐIỂM) Câu trắc nghiệm đúng – sai

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
Câu 13	a	Đ	Câu 15	a	Đ
	b	S		b	Đ
	c	Đ		c	S
	d	S		d	Đ
Câu 14	a	Đ	Câu 16	a	Đ
	b	Đ		b	S
	c	S		c	Đ
	d	Đ		d	S

PHẦN III. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
1	- Là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người.	0.5
	- Là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội.	0.5
2	- Hành động của Tuấn : Không an toàn.	0.5
	Vì nguy cơ có thể xảy ra: Vì có thể gây điện giật hoặc cháy nổ.	0.5
	- Cách xử lí đúng: + Ngừng sử dụng ngay.	0.5
	+ báo người lớn sửa chữa hoặc thay ổ điện.	0.5

Hết

MÃ ĐỀ: G8 102

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	C	B	C	C	C	A	B	B	B	B

PHẦN II. (4.0 ĐIỂM) Câu trắc nghiệm đúng – sai

- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
Câu 13	a	Đ	Câu 15	a	Đ
	b	Đ		b	Đ
	c	S		c	Đ
	d	Đ		d	S
Câu 14	a	Đ	Câu 16	a	Đ
	b	S		b	Đ
	c	Đ		c	S
	d	S		d	S

PHẦN III. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
1	- Ảnh hưởng đến sức khỏe, bị thương, bị tàn phế, bị chết....	0,5
	- Gây thiệt hại về tài sản cho cá nhân, gia đình, xã hội.	0.25
	- Ô nhiễm môi trường.	0.25
2	* Việc làm của Hùng thể hiện thực hiện nghĩa vụ lao động phù hợp.	0.5
	Vì : Hùng vừa học tập vừa giúp gia đình. * Ý nghĩa: - Rèn luyện tính chăm chỉ - Trách nhiệm và giúp gia đình.	0.5

Hết

MÃ ĐỀ: G9 101

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	C	B	A	C	C	C	C	C	B	D

PHẦN II. (4.0 ĐIỂM) Câu trắc nghiệm đúng – sai

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
Câu 13	a	Đ	Câu 15	a	Đ
	b	S		b	Đ
	c	Đ		c	S
	d	S		d	Đ
Câu 14	a	Đ	Câu 16	a	Đ
	b	S		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	S		d	S

PHẦN III. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
1 (2.0 điểm)	<ul style="list-style-type: none">- Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật- Có lỗi- Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện- Xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ	0,5 0,5 0,5 0,5
2 (1.0 điểm)	a) Hành vi của Tuấn không phải là tiêu dùng thông minh. vì:	0,25
	<ul style="list-style-type: none">- Chi tiêu không có kế hoạch.- Không cân nhắc nhu cầu cần thiết.	0,25
	b) Tuấn cần:	
	<ul style="list-style-type: none">- Lập kế hoạch chi tiêu.- Tham khảo ý kiến người lớn trước khi mua.	0,25 0,25

Hết

MÃ ĐỀ: G9 102

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	A	C	C	C	C	A	C	B	B	C

PHẦN II. (4.0 ĐIỂM) Câu trắc nghiệm đúng – sai

- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
Câu 13	a	Đ	Câu 15	a	Đ
	b	S		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	S		d	S
Câu 14	a	Đ	Câu 16	a	Đ
	b	S		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	S		d	S

PHẦN III. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
1 (2.0 điểm)	* Việc tiêu dùng thông minh giúp cho người tiêu dùng: + Mua được sản phẩm có chất lượng; + Tiết kiệm được tiền bạc và thời gian; + Thực hiện được kế hoạch chi tiêu. + Bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người tiêu dùng.	0,5 0,5 0,5 0,5
2 (1.0 điểm)	a) Hành vi của Lan không phải là tiêu dùng thông minh vì: - Không tìm hiểu nguồn gốc sản phẩm. - Quyết định mua hàng theo quảng cáo hấp dẫn. b) Lan có thể gặp: - Mua phải hàng kém chất lượng. - Mất tiền hoặc bị lừa đảo.	0,25 0,25 0,25 0,25

Hết

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng	Tỷ lệ %		
		TNKQ						Tự luận						
		Nhiều lựa chọn			“Đúng/ sai”									
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD				
1	Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu.	1	2	1		1					1	3	1	20%
2	Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí cháy nổ và các chất độc hại.		3				1			1		3	2	37.5%
3	Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.	3	2			1	1		1		3	4	1	42.5%
Tổng số câu		12				2	2		1	1	4	10	4	18 Câu
Tổng số điểm		3.0			4.0				3.0		1.0	4.75	4.25	10 đ
Tỷ lệ %		70%						30%			40%	30%	30%	100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

T T	Nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỷ lệ %	
			TNKQ						Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			“Đúng/ sai”										
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD		
1	Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu.	<p>Nhận biết: Nêu được khái niệm kế hoạch chi tiêu; kể tên các khoản thu, khoản chi thường gặp; trình bày được các bước lập kế hoạch chi tiêu và những nguyên tắc chi tiêu hợp lí.</p> <p>Thông hiểu: Giải thích được vì sao cần lập kế hoạch chi tiêu; phân biệt được chi tiêu hợp lí và chưa hợp lí; phân tích được ý nghĩa của việc tiết kiệm</p>	1	2	1		1						1	3	1	20%

		<p>và hậu quả của việc chi tiêu không có kế hoạch.</p> <p>Vận dụng: Lập được kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp với điều kiện thực tế; nhận xét, đánh giá cách chi tiêu trong tình huống cụ thể; đề xuất cách điều chỉnh kế hoạch chi tiêu khi có phát sinh.</p>													
2	<p>Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí cháy nổ và các chất độc hại.</p>	<p>Nhận biết: Nêu được các loại vũ khí, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc hại thường gặp; trình bày được một số quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại; nhận diện được những hành vi vi phạm.</p> <p>Thông hiểu:</p>	3				1			1		3	2	37.5%	

	<p>Giải thích được vì sao phải phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại; phân tích được hậu quả của việc tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, chất độc hại; trình bày được ý nghĩa của việc tuân thủ quy định pháp luật.</p> <p>Vận dụng: Đánh giá được hành vi trong các tình huống cụ thể liên quan đến vũ khí, cháy nổ và chất độc hại; đề xuất cách phòng tránh và xử lý phù hợp khi gặp tình huống nguy hiểm; tuyên truyền, nhắc nhở người khác thực hiện đúng quy định.</p>													
Bài	Nhận biết	3	2			1	1		1		3	4	1	42.5%

<p>10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.</p>	<p>Nêu được khái niệm lao động. Biết lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Kể được một số quyền lao động: lựa chọn nghề, việc làm, được trả lương, nghỉ ngơi... Kể được một số nghĩa vụ lao động: làm việc có kỉ luật, chấp hành pháp luật lao động. Thông hiểu Giải thích vì sao lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Phân biệt hành vi thực hiện đúng và chưa đúng quyền, nghĩa vụ lao động. Hiểu ý nghĩa của lao động đối với cá nhân, gia đình và xã hội. Vận dụng Nhận xét tình huống về thực hiện quyền và</p>													
---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

		nghĩa vụ lao động. Đề xuất cách ứng xử đúng khi gặp vi phạm quyền lao động. Liên hệ bản thân: có ý thức học tập, rèn luyện để lao động tốt trong tương lai.													
Tổng số câu			12			2	2		1	1	4	10	4	18 Câu	
Tổng số điểm			3		4		3		10		10		10		
Tỷ lệ %			30%		40%		30%		100%		100%		100%		

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 6

I. MA TRẬN

T T	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ % điểm	
			TNKQ						Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ¹										
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng		
1	9	Công dân nước CHXHCN Việt Nam.	Câu 1,2	Câu 3	Câu 4	Câu 1							3	1	1	20%
2	10	Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.	Câu 5,6	Câu 7,8			Câu 2	Câu 3	Câu 1				3	3	1	45%
3	11	Quyền cơ bản của trẻ em.	Câu 9,10	Câu 11	Câu 12		Câu 4				Câu 2		2	2	2	35%
Tổng số câu			6	4	2	1	2	1	1		1		8	4	6	18
Tổng số điểm			3,0			4,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10	
Tỉ lệ %			30			40			30			40	30	30	100	

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chủ đề/ chương	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								
				TNKQ						TL		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – sai”					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Chủ đề 9	Công dân nước CHXH CN Việt Nam.	Biết: - Nêu được khái niệm công dân.	2 TN			1TN					
			Hiểu: Thực hiện được một số quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam.		1TN							
			Vận dụng Thực hiện được một số quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam.			1TN						
2	Chủ đề 10	Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.	Biết: - Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.	2TN						1TL		
			Hiểu:					1TN				

			Thực hiện được một số quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam.									
			Vận dụng: Thực hiện được một số quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam.					1TN				
3	Chủ đề 11	Quyền cơ bản của trẻ em.	Biết: - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em. - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.	2TN								
			Hiểu: - Giải thích được ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em. - Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm		1TN			1TN				

		<p>quyền trẻ em.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng.</p>									
		<p>Vận dụng :</p> <p>- Bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em.</p>			1TN						1TL
	Tổng số câu		6	2	2	1	2	1	1		1
	Tổng số điểm		3.0				4.0	3.0			
	Tỷ lệ %		70%					30%			

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2025 – 2026

MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

I. MA TRẬN

TT	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ¹									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	7	Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	5			1	1					6	1		32,5%
2	8	Phòng, chống tệ nạn xã hội	5				1				1	5	1	1	42,5%
3	9	Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội	2						1		1	2	1	1	25%
Tổng số câu			12			1	1	2		1	1	13	3	2	18
Tổng số điểm			3,0			4,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ			30			40			30			40	30	30	100

	8	<p>chống tệ nạn xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. 									
		<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội. - Giải thích được hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. 					1TN				
		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức. - Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội. - Tuyên truyền, vận động mọi người tham 									1TL

			gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.								
3	Chủ đề 9	Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội	Biết: - Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.	2TN							
			Hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội. - Giải thích được hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội.						1TL		
			Vận dụng : - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.					1TN			
	Tổng số câu		12			1	2	1		1	1
	Tổng số điểm			3.0			4.0			3.0	
	Tỷ lệ %					70%				30%	

HẾT

I. MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỷ lệ %
		TNKQ						Tự luận						
		Nhiều lựa chọn			“Đúng/ sai”									
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Bài 7: Thích ứng với thay đổi		2				1			1		2	2	25%
2	Bài 8: Tiêu dùng thông minh	1	3				1				1	3	1	20%
3	Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	2	3	1	1	1		1			4	4	1	55%
Tổng số câu		12			1	1	2	1		1	5	9	4	18 Câu
Tổng số điểm		3.0			4.0			2.0		1.0	3.75	3	3.25	10 đ
Tỷ lệ %		70%						30%			40%	30%	30%	100%

2	<p>Bài 8: Tiêu dùng thông minh</p>	<p>Nhận biết: - Nêu được khái niệm tiêu dùng thông minh. - Kể được một số biểu hiện của tiêu dùng thông minh.</p> <p>Thông hiểu: - Giải thích được vì sao cần tiêu dùng thông minh. - Phân biệt tiêu dùng thông minh và tiêu dùng chưa hợp lí.</p> <p>Vận dụng: - Lựa chọn cách chi tiêu phù hợp trong tình huống cụ thể. - Biết lập kế hoạch chi tiêu đơn giản cho bản thân.</p>	1	3				1				1	3	1	20%
3	<p>Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.</p>	<p>Nhận biết: - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật. - Kể tên các loại vi phạm pháp luật.</p> <p>Thông hiểu: - Phân biệt được các loại vi phạm pháp luật. - Giải thích được vì sao người vi phạm</p>	2	3	1	1	1	1				4	4	1	55%

	<p>phải chịu trách nhiệm pháp lí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa của việc chấp hành pháp luật. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, đánh giá hành vi vi phạm pháp luật trong tình huống cụ thể. - Biết lựa chọn cách ứng xử đúng pháp luật. - Tuyên truyền, nhắc nhở người khác chấp hành pháp luật. 													
Tổng số câu		12	1	1	2	1		1	5	9	4	18 Câu		
Tổng số điểm		3.0		4.0		3.0		10		10		10		
Tỷ lệ %		70%		30%		40%		100%		100%		100%		

